

Đồng Hới, ngày 12 tháng 9 năm 2024.

Số: 23/2024/QĐST- KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2024/TLST - KDTM ngày 08/7/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B (B1); địa chỉ: Số A đường Q, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật: Bà Thái H – Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu L – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q (Theo Quyết định ủy quyền số: 19/2023/QĐ-TGD ngày 11/01/2023 *Quyết định về việc ủy quyền liên quan đến hoạt động tố tụng và Thi hành án*); người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Anh T, ông Hoàng Văn C và bà Lê Phương T1 – Cán bộ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q (Theo Giấy ủy quyền số: 29/2024/UQ-CN ngày 28/6/2024); địa chỉ: Số B - B đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T2, sinh năm: 1992 và chị Mai Thị Đ, sinh năm: 1995; địa chỉ: Tổ dân phố C M, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về tiền gốc và lãi*: Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số: 297/2023/HĐTD-BacABank ký ngày 03/07/2023 và Khế ước nhận nợ số: 01- 297/2023/HĐTD-BacABank ngày 04/07/2023 (01 khế ước) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B (B1) và anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ. Anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B (B1) tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2024 là: là

558.279.927 đồng (trong đó: Nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.279.927 đồng).

2.2. Thời hạn trả số tiền gốc và lãi: Hai bên đương sự thỏa thuận, thống nhất anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ sẽ thanh toán số tiền gốc và số tiền lãi quá hạn trên vào ngày 04/9/2024 cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập Biên bản hòa giải thành là ngày 05/9/2024, anh T2, chị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 297/2023/HĐTD-BacABank ký ngày 03/07/2023 và Khế ước nhận nợ số: 01- 297/2023/HĐTD-BacABank ngày 04/07/2023 (01 khế ước) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B (B1) và anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

2.3. Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay: Trường hợp anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ vi phạm thời hạn của trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP B (B1) có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ đang thế chấp bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 4; địa chỉ: Tổ dân phố C P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; diện tích 137,4m² (Đất ở tại đô thị 40,0m², đất trồng cây lâu năm 97,4m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 024041, số vào sổ cấp GCN: CS07906 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 26/5/2022, mang tên Trần Văn T2, Mai Thị Đ. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP B (B1) căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 297/2023/HĐTC/BacABank.500 ngày 04/7/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh X, số công chứng 3651, quyền số 07/2023/TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 04/7/2023.

2.4. Về chi phí tố tụng: Anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và thanh toán cho Ngân hàng TMCP B (B1) số tiền 6.000.000 đồng.

2.5. Về án phí:

Ngân hàng TMCP B (B1) và anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ thỏa thuận hai bên mỗi bên sẽ chịu $\frac{1}{2}$ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước. Anh Trần Văn T2, chị Mai Thị Đ phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 6.582.799 đồng (Sáu triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng) để sung quỹ nhà nước.

Ngân hàng TMCP B (B1) phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 6.582.799 đồng (Sáu triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi

chín đồng) để sung quỹ nhà nước. Ngân hàng TMCP B (B1) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.827.000 đồng (Mười hai triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn) theo tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0001311 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới. Ngân hàng TMCP B (B1) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn 6.244.201 đồng (*Sáu triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm linh một đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADSTP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh